

Số: /BC-TTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

## BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng  
(Từ ngày 15 tháng 3 đến ngày 14 tháng 4 năm 2026)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 27 - 29<sup>0</sup>C Cao nhất: 30 - 35<sup>0</sup>C Thấp nhất: 19 - 25<sup>0</sup>C  
Độ ẩm trung bình: 70 - 75% Cao nhất: 80 - 85% Thấp nhất: 55 - 68%  
Tổng lượng mưa: 50 mm  
Tổng số giờ nắng: 194 giờ

Nhận xét: Trong kỳ, khu vực tỉnh Gia Lai ngày nắng nóng, đêm và sáng có sương mù. Gió Đông Bắc cấp 2 - 3.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

TT	Cây trồng/vụ	Giai đoạn sinh trưởng	DT gieo trồng (ha)	DT thu hoạch (ha)
<b>I</b>	<b>Cây lương thực</b>		<b>81.821</b>	<b>20.221</b>
1	Cây lúa (Đông Xuân)	Ngậm sữa - chín - thu hoạch	74.274	19.170
2	Cây ngô (vụ Đông Xuân)	Bấp non - chín - thu hoạch	7.547	1.051
<b>II</b>	<b>Cây tinh bột có củ</b>		<b>18.821</b>	<b>1.691</b>
1	Cây sắn (vụ Đông Xuân)	Cây con - phát triển thân lá	15.620	
2	Cây khoai lang (vụ Đông Xuân)	Nuôi củ - thu hoạch	3.201	1.691
<b>III</b>	<b>Cây thực phẩm</b>		<b>27.459</b>	<b>12.271</b>
1	Rau các loại (vụ Đông Xuân)	Nhiều giai đoạn	21.689	9.023
2	Đậu các loại (vụ Đông Xuân)	Trái non - chắc hạt - thu hoạch	5.770	3.248
<b>IV</b>	<b>Cây công nghiệp ngắn ngày</b>		<b>18.732</b>	<b>949</b>
1	Cây mía (Đông Xuân)	Nảy mầm - Cây con	8.946	
2	Cây lạc (vụ Đông Xuân)	Quả non - thu hoạch	9.786	949

<b>V</b>	<b>Cây hàng năm khác (vụ Đông Xuân)</b>	Nhiều giai đoạn	<b>4.085</b>	<b>975</b>
<b>VI</b>	<b>Cây công nghiệp dài ngày</b>		<b>253.460</b>	
1	Cây cà phê	Quả non	107.945	
2	Cây cao su	Các giai đoạn	85.917	
3	Cây điều	Quả non - Thu hoạch	41.232	
4	Cây dừa	Các giai đoạn	9.447	
5	Cây tiêu	Chín - thu hoạch	8.601	
6	Cây chè	Các giai đoạn	318	
<b>VII</b>	<b>Cây ăn quả</b>		<b>34.816</b>	
1	Cây sầu riêng	Ra hoa - đậu quả	8.131	
2	Cây chanh dây	Các giai đoạn	6.221	
3	Cây chuối	Các giai đoạn	7.276	
4	Các loại cây ăn quả khác	Các giai đoạn	14.743	

**3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai:** Trong kỳ, không có diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai.

## II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

### 1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Cây lúa</b>					
1	Rầy nâu, rầy lưng trắng	500	1.000	5.000	T4-5, trưởng thành	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, Đê Gi, Cát Tiến, Phù Cát, Ngô Mỹ, Phù Mỹ Đông Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Đông, Pờ Tó, Phú Thiện, Ia Pa, Ia Tul,...
2	Bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông	5	10	-	C1-3	Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Bắc, An Nhơn Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Phù Cát, Hòa Hội, Bình Khê,

						Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...
3	Bệnh khô vằn	10	20	25	C1-3	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Hoài Ân, Vạn Đức, Tây Sơn, Bình Phú...
<b>II Cây ngô</b>						
1	Bệnh khô vằn	10	20	-	C1-3	Hoài Nhơn Nam, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Bình Phú, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh
<b>III Cây lạc</b>						
1	Bệnh gỉ sắt	15	30	35	C1-5	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp...
2	Bệnh đốm lá	15	30	-	C1-3	Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Tây Sơn, Phù Cát, Hòa Hội, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp...
<b>IV Cây rau</b>						
1	Sâu xanh	5	10	-	Nhiều lứa tuổi	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...
2	Sâu tơ	10	20	-	Nhiều lứa tuổi	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh thán thư	6	10	-	C1-3	An Khê, An Bình, Đăk Pơ, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
4	Bệnh sương mai	5	10	-	C1-3	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
5	Bệnh đốm lá	15	30	-	C1-3	An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ,..
<b>V Cây mía</b>						
1	Xén tóc đục gốc	5	10	-	C1-2	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul...
2	Bệnh trắng lá mía	15	25	-	C1-3	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện...
<b>VI Cây sắn</b>						
1	Nhện đỏ	10	20	-	C1-3	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện...
2	Khảm lá	2,5	5	-	C1-3	Ia Rсай, Pờ Tó, Ia Tul, Ia Pa.

						Phú Thiện...
<b>VII Cây cà phê</b>						
1	Rệp sáp	12,5	25	30	C1-2	Ia Hrung, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Băng, Đak Đoa, Mang Yang, Lơ Pang, Biễn Hồ...
2	Rệp vảy	12,5	25	-	C1-2	Ia Hrung, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
3	Mọt đục cành	12,5	25	-	C1	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
4	Bệnh gỉ sắt	15	30	-	C3-5	Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái...
<b>VIII Cây hồ tiêu</b>						
1	Tuyến trùng	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra...
2	Bệnh chết chậm	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	5	10	-	C1-3	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang...
4	Bệnh thán thư	5	10	-	C1-3	Kon Gang, Đak Đoa...
5	Rệp sáp	10	20	-	C1-3	Rải rác các xã
<b>IX Cây điều</b>						
1	Sâu đục thân, cành	5	10	15	C1	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	5	10	15	C1-2	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	5	10	-	C1-3	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái...
<b>X Cây sầu riêng</b>						
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	2,5	5	10	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
<b>XI Cây chanh dây</b>						
1	Bệnh virus hại lá, quả	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...

2	Bệnh đốm nâu	7,5	15	-	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boong, Bàu Cạn...
---	--------------	-----	----	---	------	--

## 2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I Cây lúa</b>								
1	Rầy nâu, rầy lưng trắng	123	62,5	57,5	0	243	243	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, Đê Gi, Cát Tiến, Phù Cát, Ngô Mỹ, Phù Mỹ Đông, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Đông, Pò Tó, Phú Thiện, Ia Pa, Ia Tul,...
2	Bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông	15	5,5	0	0	20,5	20	Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Bắc, An Nhơn Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Phù Cát, Hòa Hội, Bình Khê, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...
3	Bệnh khô vằn	78	13	0	0	91	90	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Hoài Ân, Vạn Đức, Tây Sơn, Bình Phú...
<b>II Cây ngô</b>								
1	Bệnh khô vằn	10	0	0	0	10	7	Hoài Nhơn Nam, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Bình Phú, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh
<b>III Cây lạc</b>								

1	Bệnh gỉ sắt	48,5	15	0	0	63,5	63,5	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp...
2	Bệnh đốm lá	48,5	0	0	0	48,5	48,5	Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Tây Sơn, Phù Cát, Hòa Hội, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp...
<b>IV Cây rau</b>								
1	Sâu xanh	46	0	0	0	46	22	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...
2	Sâu tơ	26	0	0	0	26	5	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh thán thư	30	0	0	0	30	22	An Khê, An Bình, Đăk Pơ, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
4	Bệnh sương mai	17,5	0	0	0	17,5	8	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
5	Bệnh đốm lá	17	0	0	0	17	12	An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ,..
<b>V Cây mía</b>								
1	Xén tóc đục gốc	15,5	0	0	0	15,5	10	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul...
2	Bệnh trắng lá mía	16,5	0	0	0	16,5	0	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện...
<b>VI Cây sắn</b>								
1	Nhện đỏ	20	0	0	0	20	0	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện...
2	Khảm lá	53	0	0	0	53	0	Ia Rсай, Pờ Tó, Ia Tul, Ia Pa, Phú Thiện...
<b>VII Cây cà phê</b>								
1	Rệp sáp	828	105	0	0	933	653	Ia Hưng, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Bắng, Đak Đoa, Mang Yang, Lơ Pang, Biển Hồ...
2	Rệp vảy	332	0	0	0	332	195	Ia Hưng, Ia Krái, Ia

								Grai, Ia O, Ia Chín...
3	Mọt đục cành	328	0	0	0	328	190	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
4	Bệnh gỉ sắt	698,5	0	0	0	698,5	412	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái...
<b>VIII Cây hồ tiêu</b>								
1	Tuyến trùng	428	22,5	0	0	450,5	348	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra...
2	Bệnh chết chậm	382	44	0	0	426	320	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	75,5	0	0	0	75,5	37	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang...
4	Bệnh thán thư	79,5	0	0	0	79,5	32,5	Kon Gang, Đak Đoa...
5	Rệp sáp	10	0	0	0	10	5	Rải rác các xã
<b>IX Cây điều</b>								
1	Sâu đục thân, cành	467,5	86,5	0	0	554	364	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Đok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	164	26	0	0	190	95	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	359	0	0	0	359	267	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Đok, Ia Krái...
<b>X Cây sầu riêng</b>								
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	170	0	0	0	170	155	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	65	11	0	0	76	60	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
<b>VII Cây chanh dây</b>								
1	Bệnh virus hại lá, quả	55	0	0	0	55	43	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...
2	Bệnh đốm nâu	60	0	0	0	60	44	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...

\* **Thống kê diện tích nhiễm trong các đợt dịch:** Trong tuần, không có dịch.

### **3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ**

#### **3.1. Trên cây lúa**

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Trong kỳ, rầy phát sinh gây hại 243 ha (mật độ 500 - 1.000 con/m<sup>2</sup>, cục bộ ổ rầy >5.000 con/m<sup>2</sup>) ở các xã, phường: Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, Đề Gi, Cát Tiến, Phù Cát, Ngô Mỹ, Phù Mỹ Đông Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Đông, Pờ Tó, Phú Thiện, Ia Pa, Ia Tul,...

Ngoài ra, bệnh đạo ôn cổ bông, khô vằn, lem lép hạt,... phát sinh gây hại cục bộ.

**Đến nay, các diện tích lúa nhiễm sâu bệnh đã được hướng dẫn phòng trừ xong, nông dân đang thu hoạch.**

#### **3.2. Cây ngô**

Bệnh khô vằn gây hại 10 ha giai đoạn phun râu – bắp non ở Hoài Nhơn Nam, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Bình Phú, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, tỷ lệ bệnh 10 - 20%; sâu đục thân gây hại rải rác.

#### **3.3. Cây lạc**

Bệnh đốm lá gây hại 48,5 ha giai đoạn quả non - chắc hạt ở Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Tây Sơn, Phù Cát, Hòa Hội, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp...tỷ lệ bệnh 15 - 30%; bệnh rỉ sắt gây hại 63,5 ha, tỷ lệ hại cục bộ 15 - 35%, ở Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp,...

#### **3.4. Trên cây rau**

- Sâu xanh gây hại rau họ thập tự 46 ha (mật độ cục bộ 5 - 10 con/m<sup>2</sup>), phân bố trên địa bàn các xã, phường: Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...

- Sâu tơ gây hại rau họ hoa thập tự, mật độ cục bộ 10 con/m<sup>2</sup>, cao 20 con/m<sup>2</sup>, DTN 26 ha (nhẹ), phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,...

- Bệnh đốm lá gây hại rau họ thập tự 17 ha (TL 15 - 30%), phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ,...

- Bệnh thán thư phát sinh gây hại trên họ cà (ớt) 30 ha tỷ lệ (TL 6 - 10%), phân bố trên địa bàn các xã: An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện,...

- Bệnh sương mai phát sinh gây hại trên họ bầu bí 17,5 ha tỷ lệ (TL 5 - 10%), phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku,...

Ngoài ra, ruồi đục lá, héo xanh vi khuẩn phát sinh gây hại cục bộ.

#### **3.5. Trên cây mía**

- Xén tóc đục gốc mía lưu gốc giai đoạn cây con, TL hại phổ biến 5%, cao 10%, DTN 15,5 ha (nhẹ), phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã: Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul,...

- Bệnh trắng lá gây hại 13,5 ha (TL cục bộ 15 - 25%) trên diện tích cũ ở các xã: Ia Pa,

Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện,...

### **3.6. Trên cây sắn**

- Nhện đỏ gây hại sắn giai đoạn cây phát triển thân, lá, TL hại phổ biến 10% - cao 20%, diện tích nhiễm 20 ha, phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã: Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện,...

- Bệnh khảm lá virus gây hại 53 ha (nhiễm nhẹ), tỷ lệ bệnh 2,5 - 5%, ở các xã: Ia Rсай, Pờ Tó, Ia Tul, Ia Pa, Phú Thiện,...

### **3.7. Trên cây cà phê**

- Rệp sáp gây hại 933 ha, TL hại phổ biến 12,5 - cao 33,3%, phân bố rải rác trên toàn bộ diện tích cà phê của tỉnh.

- Rệp vảy gây hại 332 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), tập trung ở các xã: Ia Hrunг, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín,...

- Mọt đục cành gây hại 328 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), cà phê giai đoạn trái non ở các xã: Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Páh,...

- Bệnh gỉ sắt gây hại 698,5 ha (TL cục bộ 15 - 30%), ở các xã: Ia Hrunг, Ia Bắng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái,...

### **3.8. Trên cây hồ tiêu**

- Tuyến trùng gây hại 450,5 ha (TL 5 - 10%, cục bộ 15%), phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Bắng, Đak Đoa, Hra...

- Bệnh vàng lá chết chậm gây hại 426 ha (TLB 5 - 10%, cục bộ 15%), phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra,...

- Rệp sáp gây hại rải rác 10 ha trên các địa bàn xã trồng hồ tiêu trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ bệnh phổ biến 10%, cao 20%.

Ngoài ra, bệnh đốm đen lá, thán thư gây hại rải rác trên tiêu giai đoạn chín ở xã: Kon Gang, Ia Bắng, Mang Yang, Lơ Pang, Đak Đoa,...

### **3.9. Trên cây điều**

- Sâu đục thân, cành (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 554 ha (nhiễm nhẹ 467,5 ha, trung bình 86,5 ha), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O,...

- Bọ xít muỗi hại lá (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 190 ha (nhiễm nhẹ 164 ha, trung bình 26 ha), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,...

- Bệnh thán thư tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10%, DTN 359 ha (nhiễm nhẹ), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái,...

### **3.9. Trên cây ăn quả**

- Cây sầu riêng: Bệnh cháy lá chết ngọn gây hại 1170 ha (nhẹ), bệnh thối rễ, thán thư lá... gây hại cục bộ trên địa bàn các xã: Chư Prông, Ia Tôr, Đúc Cơ, Ia Krêl,...

- Cây chanh dây: Bệnh virus, đốm nâu gây hại trái cục bộ trên diện tích cũ ở xã Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...

- Sâu đầu đen phát sinh gây hại 3 ha, TL hại phổ biến 10%, cao 20%, gây hại rải rác trên ở địa bàn các phường: Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Bắc, Bồng Sơn.

## **III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

## 1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa: Bọ trĩ, chuột, sâu cuốn lá: Phát sinh gây hại rải rác trên lúa lúa Hè Thu giai đoạn 3 lá - đẻ nhánh.

- Trên cây trồng cạn:

+ Cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy tiếp tục gây hại trên họ hoa thập tự; bệnh thán thư, lở cổ rễ (trên cây ớt), héo xanh vi khuẩn (trên cà chua) gây hại trên họ cà; bệnh phấn trắng, lở cổ rễ trên cây con phát sinh gây hại trên họ bầu bí.

+ Cây lạc: Bệnh lở cổ rễ, sâu ăn lá,... gây hại rải rác lạc vụ Hè Thu giai đoạn cây con; Bệnh đốm lá, bệnh gỉ sắt, sâu ăn lá gây hại cục bộ giai đoạn tạo hạt vụ Đông Xuân.

- Trên cây cà phê: Rệp sáp, rệp sáp vẩy, mọt đục cành, sâu đục thân, bệnh khô cành tiếp tục phát sinh gây hại giai đoạn đậu trái non trong điều kiện nắng nóng.

- Trên cây hồ tiêu: Tuyến trùng, rệp sáp, bệnh vàng lá chết chậm tiếp tục gây hại giai đoạn vào chồi.

- Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán, sâu đục thân,... gây hại cục bộ trên điều giai đoạn ra hoa ở các xã: Kông Chro, Ia Pa, Pò Tó, Ia Tul, Ya Ma,...

- Trên cây ăn quả: Rệp sáp, bọ trĩ, bệnh cháy lá chết ngọn gây hại sầu riêng; bệnh virus hại lá, quả, bệnh đốm nâu gây hại quả trên chanh dây; rệp sáp, rầy bông xoài phát sinh gây hại cục bộ xoài giai đoạn ra hoa - trái non.

## 2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng trừ các loại sâu, bệnh hại cây trồng trên địa bàn tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị UBND các xã, phường chỉ đạo các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, bố trí công chức bám sát đồng ruộng, tăng cường công tác điều tra, phát hiện dự tính, dự báo; tổ chức đoàn thể tuyên truyền, hướng dẫn phòng trừ sinh vật hại trên một số loại cây trồng như sau:

### 2.1. Trên cây lúa

- Đối với chuột: Triển khai diệt chuột đầu vụ Đông Xuân 2025 -2026 bằng nhiều biện pháp: Dùng bẫy (bẫy kẹp, bẫy lồng, bẫy bán nguyệt,...), sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Bromadiolone, Flocoumafen, Coumatetralyl, Warfarin,...trộn với mồi (lúa mầm, cám thực phẩm, tôm, cua, cá ...) để làm bả diệt chuột. Đặt bả ở bờ ruộng nơi gần hang hoặc gần đường đi của chuột, bờ mương, bờ ruộng, ...

- Đối với sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ: Sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Alpha-cypermethrin, Emamectin benzoate,... để phun (theo liều lượng hướng dẫn trên bao bì của từng loại thuốc).

### 2.2. Trên cây rau, cây trồng cạn

- Tiếp tục ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất rau hữu cơ.

- Sử dụng chế phẩm sinh học: *Bacillus thuringiensis* (Bt), nấm trắng (*Beauveria bassiana*) để diệt trừ sâu xanh, sâu tơ; trường hợp mật độ sâu xanh >10 con/m<sup>2</sup>, sâu tơ >20 con/m<sup>2</sup> sử dụng hoạt chất: Abamectin, Emamectin benzoate... để phòng trừ.

- Đối với bệnh lở cổ rễ: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất: Polyoxin B, Propineb... ngay khi bệnh mới phát sinh.

- Đối với bệnh đốm lá, gỉ sắt: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin, Propiconazole, Fenoxanil... Bệnh thán thư: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất Boscalid, Pyraclostrobin, Chlorothalonil...

\* **Lưu ý:** Ngưng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch nhằm đảm bảo thời gian cách ly, tồn dư thuốc BVTV ảnh hưởng sức khỏe cho người tiêu dùng.

### 2.3. Trên cây cà phê

- Đối với cà phê kinh doanh: Tưới nước, bón phân đầy đủ tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển tốt.

- Đối với những diện tích đất chuẩn bị trồng tái canh cần thiết kê lô, đào hố, cày sâu, phơi ải đất trước khi trồng mới.

- Đối với rệp sáp: Sử dụng nấm trắng (*Beauveria*) hoặc nhóm thuốc có hoạt chất Abamectin, Azadirachtin,... để phòng trừ. Trường hợp vườn cây có tỷ lệ hại cao, sử dụng thuốc chứa hoạt chất hoặc hỗn hợp các hoạt chất như: Pirimicarb (min 95%), Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l, Profenofos 100g/l + Thiamethoxam 147g/l,... để phòng trừ.

- Tiến hành phun trừ bệnh gỉ sắt bằng các loại hoạt chất Hecxaconazole, Propiconazole, Mancozeb (min 85%),... nhằm tránh lây lan ra diện rộng làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây và tăng trưởng quả non.

### 2.4. Trên cây điều

- Cắt tia cành khô, sâu bệnh, cành vô hiệu để cây thông thoáng, tập trung dinh dưỡng, giúp ánh sáng vào tán cây.

- Phun thuốc có hoạt chất Permethrin, Cypermethrin, Dimethoate, hoặc sinh học (Nấm xanh/trắng) để phòng trừ bọ xít muỗi; sử dụng hoạt chất Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l để phòng trừ sâu đục thân.

### 2.5. Trên cây hồ tiêu

- Vệ sinh vườn cây bằng cách: Thu gom và tiêu hủy tàn dư thực vật như lá rụng, cành gãy để tránh lây lan nấm bệnh.

- Sử dụng đồng đồ (như Norshield 86.2WG) để rửa vườn hồ tiêu sau thu hoạch giúp tiêu diệt nấm, khuẩn, rêu mốc và phục hồi cây. Liều lượng pha 300 - 500g đồng đồ cho phuy 200 - 300 lít nước, phun ướt đều toàn thân, lá và trụ tiêu. Nên phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, tránh nắng gắt.

- Tưới nước giữ ẩm cho cây, phủ gốc bằng rơm rạ, cỏ khô, xác bã thực vật sạch, dày 5 - 7cm, cách gốc 10 - 15cm để tránh nấm, giảm sốc nhiệt và bốc hơi nước.

- Trong mùa khô, rễ hoạt động chậm, nên cần chọn dạng phân dễ tiêu như NPK, humic hoặc amino acid để cây phục hồi nhanh. Tránh bón phân quá nhiều, liều lượng lớn trong một lần, vì cây có thể sốc, đọt bị cháy hoặc vàng lá.

Chú ý theo dõi và phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu, bệnh như tuyến trùng hại rễ, bệnh vàng lá chết nhanh, chết chậm.

- Đối với tuyến trùng hại rễ, sử dụng thuốc hóa học có hoạt chất *Clinoptilolite* để phòng trừ.

- Đối với bệnh chết nhanh, chết chậm sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin 282g/l + Metalaxyl-M 108g/l, Bronopol (min 99%) để phòng trừ.

## 2.6. Trên các loại cây ăn quả

Hướng dẫn người dân áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học,... giúp bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm.

### - Trên cây chanh dây:

+ Nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ*): Sử dụng treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất Spirotetramat, Abamectin, Azadirachtin,... để phòng trừ.

+ Nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, đốm vòng, bệnh thán thư*): Phòng trừ khi bệnh mới chớm xuất hiện bằng các loại hoạt chất như: Tebuconazole, Mancozeb, Azoxystrobin... khuyến cáo người dân luân phiên thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc.

### - Trên cây sầu riêng:

+ Tưới nước đủ ẩm cho vườn cây để hạn chế rụng hoa, quả non.

+ Sử dụng phân bón lá: Phun phân có hàm lượng lân và kali cao như MKP, KNO<sub>3</sub>, hoặc NPK 10-60-10 theo liều khuyến cáo trên bao bì để lá sớm thành thực, ít cạnh tranh dinh dưỡng với hoa và quả non; bổ sung Canxi, Bo bằng cách phun qua lá nhằm tăng đậu trái, hạn chế rụng hoa và trái non.

+ Tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục kết hợp nấm đối kháng *Trichoderma* đồng thời sử dụng các loại thuốc có chứa hoạt chất Mancozeb, Fosetyl-aluminium, Phosphorous để phòng trừ bệnh thối rễ.

### - Trên cây dứa:

#### **Biện pháp canh tác:**

+ Cắt tia tàu lá hoặc lá chết của cây dứa bị sâu gây hại, thu gom và tiêu hủy bằng cách đốt hoặc ngâm trong nước nhằm làm giảm mật số sâu hại. Đây là biện pháp quan trọng, hiệu quả, an toàn môi trường và cần thực hiện ngay khi phát hiện sâu đầu đen gây hại từ những lá già bên dưới.

+ Bón phân cân đối (chia làm nhiều đợt bón) kết hợp tưới nước để cây sinh

trưởng phát triển tốt.

+ Hạn chế vận chuyển cây dừa gi ng, các cây ký chủ phụ (cau, chà là, ...) và trái dừa bị nhiễm sâu đầu đen sang các vùng khác để hạn chế lây lan.

#### **Biện pháp sinh học:**

+ Sử dụng thu c trừ sâu sinh học hoạt chất: *Bacillus thuringiensis* (Bt).

+ Bảo tồn các loài thiên địch có sẵn trong tự nhiên như: kiến vàng, bọ xít bắt mồi, ong ký sinh,...

#### **Biện pháp hóa học:**

Khi phát hiện sâu đầu đen gây hại, cần cắt tỉa tiêu hủy tàu lá trước khi phun thuốc BVTV nhằm giảm mật số sâu hại, tăng khả năng tiếp xúc sâu non và tăng hiệu quả của thuốc:

- Đối với vườn dừa trồng xen trong vườn nhà: Sử dụng một trong hai hoạt chất: Spinetoram và Flubendiamide.

- Đối với vườn dừa sản xuất thông thường (xa khu dân cư): Sử dụng một trong các loại thuốc trừ sâu có hoạt chất: Emamectin benzoate; Lufenuron và Spirotetramat.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, chỉ đạo./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục TT và BVTV (b/c);
- Trung tâm TT và BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Kiều Văn Cang**

**Phụ lục**

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TTBVTV ngày /4/2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)*

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>I</b>	<b>Cây lúa</b>									
1	Rầy nâu, rầy lưng trắng	123	62,5	57,5	0	243	38		243	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, Đê Gi, Cát Tiên, Phù Cát, Ngô Mỹ, Phù Mỹ Đông Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Đông, Pò Tó, Phú Thiện, Ia Pa, Ia Tul,...
2	Bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông	15	5,5	0	0	20,5	20,5		20	Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Bắc, An Nhơn Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Phù Cát, Hòa Hội, Bình Khê, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...
3	Bệnh khô vằn	78	13	0	0	91	-9		90	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Hoài Ân, Vạn Đức, Tây Sơn, Bình Phú...
<b>II</b>	<b>Cây ngô</b>									
1	Bệnh khô vằn	10	0	0	0	10	7		7	Hoài Nhơn Nam, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Bình Phú, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh
<b>III</b>	<b>Cây lạc</b>									
1	Bệnh gỉ sắt	48,5	15	0	0	63,5	13		63,5	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp...

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
2	Bệnh đốm lá	48,5	0	0	0	48,5	23		48,5	Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Tây Sơn, Phù Cát, Hòa Hội, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp...
<b>IV</b>	<b>Cây rau</b>									
1	Sâu xanh	46	0	0	0	46	-15,5		22	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...
2	Sâu tơ	26	0	0	0	26	-6,5		5	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh thán thư	30	0	0	0	30	-13,5		22	An Khê, An Bình, Đăk Pơ, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
4	Bệnh sương mai	17,5	0	0	0	17,5	-9		8	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
5	Bệnh đốm lá	17	0	0	0	17	-		12	An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ,..
<b>V</b>	<b>Cây mía</b>									
1	Xén tóc đục gốc	15,5	0	0	0	15,5	15,5		10	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul...
2	Bệnh trắng lá mía	16,5	0	0	0	16,5	16,5		0	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện...
<b>VI</b>	<b>Cây sắn</b>									
1	Nhện đỏ	20	0	0	0	20	20		0	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện...
2	Khảm lá	53	0	0	0	53	53		0	Ia Rсай, Pờ Tó, Ia Tul, Ia Pa, Phú Thiện...
<b>VII</b>	<b>Cây cà phê</b>									

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
1	Rệp sáp	828	105	0	0	933	586		653	Ia Hrung, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Bắg, Đak Đoa, Mang Yang, Lơ Pang, Biền Hồ...
2	Rệp vảy	332	0	0	0	332	132		195	Ia Hrung, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
3	Mọt đục cành	328	0	0	0	328	-13		190	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
4	Bệnh gỉ sắt	698,5	0	0	0	698,5	-42,5		412	Ia Hrung, Ia Bắg, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái...
<b>VIII</b>	<b>Cây hồ tiêu</b>									
1	Tuyến trùng	428	22,5	0	0	450,5	12		348	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Bắg, Đak Đoa, Hra...
2	Bệnh chết chậm	382	44	0	0	426	125,5		320	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	75,5	0	0	0	75,5	-7,5		37	Kon Gang, Ia Bắg, Mang Yang, Lơ Pang...
4	Bệnh thán thư	79,5	0	0	0	79,5	56		32,5	Kon Gang, Đak Đoa...
5	Rệp sáp	10	0	0	0	10	4		5	Rải rác các xã
<b>IX</b>	<b>Cây điều</b>									
1	Sâu đục thân, cành	467,5	86,5	0	0	554	10		364	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Đok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	164	26	0	0	190	3,5		95	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	359	0	0	0	359	-6		267	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Đok, Ia

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
										Krái...
<b>X</b>	<b>Cây sầu riêng</b>									
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	170	0	0	0	170	5		155	Chư Prông, Ia Tôr, Đúc Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	65	11	0	0	76	-3		60	Chư Prông, Ia Tôr, Đúc Cơ, Ia Krêl...
<b>XI</b>	<b>Cây chanh dây</b>									
1	Bệnh virus hại lá, quả	55	0	0	0	55	5		43	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...
2	Bệnh đốm nâu	60	0	0	0	60	8		44	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...
<b>XII</b>	<b>Cây dứa</b>									
1	Sâu đầu đen	3	0	0	0	3	1		3	Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Bắc, Bồng Sơn